

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI TÁC TOÀN CẦU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2014

Hà Nội, tháng 4 năm 2014

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7-18

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Mẫu B 01 - CTQ

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2014	01/01/2014
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8,026,787,829	8,205,415,822
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6,895,792,274	8,176,491,987
1. Tiền	111		6,895,792,274	8,176,491,987
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,058,028,465	134,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1,058,525,235	630,770
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(496,770)	(496,770)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8,494,250	5,965,750
1. Phải thu khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Các khoản phải thu khác	135		8,494,250	5,965,750
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64,472,840	22,824,085
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,631,860	2,297,164
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		2,590,980	17,965,818
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		60,250,000	2,561,103
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		21,792,695	31,409,056
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	0
1. Tài sản cố định hữu hình	221		0	0
- Nguyên giá	222		95,081,750	95,081,750
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95,081,750)	(95,081,750)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		71,906,400	71,906,400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(71,906,400)	(71,906,400)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		21,792,695	31,409,056
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		21,792,695	31,409,056
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8,048,580,524	8,236,824,878

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 - CTQ
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2014	01/01/2014
A- NỢ PHẢI TRẢ(300=310+330)	300		112,931,163	118,200,211
I. Nợ ngắn hạn	310		112,931,163	118,200,211
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313			
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314			150,000
3. Phải trả người lao động	315			5,119,048
4. Chi phí phải trả	316		33,000,000	33,000,000
5. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319		79,931,163	79,931,163
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7,935,649,361	8,118,624,667
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(42,064,350,639)	(41,881,375,333)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		8,048,580,524	8,236,824,878

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2014	01/01/2014
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	012			
Trong đó:				
1 Chứng khoán giao dịch	0121		746,260,000	200,000
2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác				
- Tiền của nhà đầu tư ủy thác trong nước (*)				20,000,000



Nguyễn Hải Châu
Quyền Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2014

Phạm Văn Khánh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Mẫu B 02 - CTQ
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01		2,501,027	210,000,000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần từ hoạt động kd (10=01-02)	10		2,501,027	210,000,000
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		28,146,660	31,856,144
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kd (20=10-11)	20		(25,645,633)	178,143,856
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		92,144,826	38,191,183
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		83,679,725	348,750
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		165,788,994	299,762,157
9. Lợi nhuận từ hoạt động kd (30=20+(21-22)-25)	30		(182,969,526)	(83,775,868)
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		5,780	0
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(5,780)	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(182,975,306)	(83,775,868)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		0	0
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(182,975,306)	(83,775,868)
17. Lãi trên cổ phiếu	70		0	0



Nguyễn Hải Châu
Quyền Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2014

Phạm Văn Khánh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03 - CTQ
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2012 đến 31.12.2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,725,273,057
2. Tiền chi trả hoạt động nghiệp vụ và cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(226,860,749)	(2,314,636,939)
3. Tiền chi trả người lao động	03	(589,598,597)	(1,003,271,349)
4. Tiền chi lãi vay/ Phí ứng trước tiền bán chứng khoán	04		(19,108,159)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	163,823,228	18,400,000,000
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(246,046,810)	(11,776,582,446)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(898,682,928)	5,011,674,164
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
2. Tiền thu thanh lý các khoản đầu tư, công cụ nợ của các đơn vị khác	24		
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		1,500,000
3. Tiền chi góp vốn vào các đơn vị khác	25		(15,582,300,000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	759,228,000	13,405,850,141
5. Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia	27		254,790,000
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	759,228,000	(1,920,159,859)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn (nhận ứng trước tiền bán chứng khoán)	33		2,652,778,141
2. Tiền chi trả gốc vay (hoàn trả ứng trước tiền bán chứng khoán)	34		(2,652,778,141)
Lưu chuyển thuần hoạt động tài chính	40	0	0
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	(139,454,928)	3,091,514,305
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8,315,948,009	5,224,433,704
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8,176,493,081	8,315,948,009



Nguyễn Hải Châu
Quyền Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2014

Phạm Văn Khánh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Mẫu B 05 – CTQ
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50,000,000,000	50,000,000,000	-	-			50,000,000,000	50,000,000,000
Lợi nhuận chưa phân phối	(41,159,973,538)	(41,881,375,333)	-	-	(721,401,795)	(182,975,306)	(41,881,375,333)	(42,064,350,639)
Cộng	<u>8,840,026,462</u>	<u>8,118,624,667</u>	=	=	<u>(721,401,795)</u>	<u>(182,975,306)</u>	<u>8,118,624,667</u>	<u>7,935,649,361</u>



Nguyễn Hải Châu
Quyền Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2014

Phạm Văn Khánh
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đối tác Toàn cầu ("Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ RNG - thành lập và hoạt động theo Quyết định số 25/UBCK-GP ngày 14 tháng 01 năm 2008 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo Giấy phép điều chỉnh lần thứ 6 số 22/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 11 năm 2011, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đối tác Toàn Cầu (tên giao dịch là GPA - Global Partners Asset Management). Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng.

Hoạt động kinh doanh:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán (theo khoản 15, Điều 1, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010)

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2014 là 12 người trong đó có 05 nhân viên quản lý đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, chi tiết như sau:

Họ tên	Số giấy phép	Ngày cấp	Vị trí công tác
Nguyễn Hải Châu			Quyền Tổng Giám đốc
Trần Thanh Vân	Đang chờ cấp CCHN		Nhân viên Phân tích
Nghiêm Chí Minh	010/QLQ	27/02/2009	Nhân viên Phân tích
Võ Văn Minh	840/QLQ	26/03/2012	Nhân viên Phân tích
Lý Công Hùng	261/QLQ	16/06/2009	Nhân viên Đầu tư
Nguyễn Quốc Việt	663/QLQ	25/05/2010	Nhân viên Phân tích

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan.

Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), ngày 6 tháng 11 năm 2009 về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Do đó, các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính này vẫn được trình bày theo giá gốc. Tuy nhiên, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán Quý I của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2014

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Bà Nguyễn Hải Châu - Quyền Tổng Giám đốc
- Ông Đỗ Văn Minh - Đại diện phần vốn đầu tư của Công ty Cổ phần Gemadept đồng thời làm Tổng Giám đốc của Gemadept;

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế; Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá mua thực tế và các khoản phí phát sinh trong quá trình giao dịch mua chứng khoán. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua và các khoản phí phát sinh trong quá trình giao dịch mua chứng khoán. Trong các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận theo giá trị ghi sổ, trừ đi dự phòng giảm giá nếu có.

Các khoản cổ tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán kinh doanh bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày lập báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các hợp đồng ủy thác quản lý danh mục đầu tư**

Các tài sản đầu tư hình thành từ các nguồn vốn ủy thác của các cá nhân, tổ chức theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các tài sản đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trên Bảng Cân đối kế toán.

Nguồn vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức đầu tư ủy thác theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải trả cho nhà đầu tư ủy thác trên bảng cân đối kế toán.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác, phí thường hoạt động và phí tư vấn được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ, hợp đồng quản lý danh mục đầu tư và hợp đồng tư vấn đầu tư.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận khi quyền sở hữu và rủi ro chứng khoán đã chuyển cho người mua và được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán. Giá vốn chứng khoán được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thu nhập từ cổ tức: Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng: Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có xem xét đến lợi tức hiện tại của tài sản) trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Các khoản dự phòng nợ phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty có nghĩa vụ phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2014	01/01/2014
Tiền mặt	37,593,569	15,958,072
Tiền gửi ngân hàng	6,858,198,705	8,160,533,915
Cộng	6,895,792,274	8,176,491,987

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/3/2014		1/1/2014	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Chứng khoán	74,626	1,058,525,235	20	630,770
Dự phòng		(496,770)		(496,770)
	74,626	1,058,028,465	20	134,000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI TÁC TOÀN CẦUTầng 15, Tòa nhà Harec số 4A Láng Hạ,
Quận Ba Đình, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/03/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTQ**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2014	1/1/2014
Phải thu khác	8,494,250	5,965,750
Cộng	8,494,250	5,965,750

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Thiết bị quản lý
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2014	95,081,750
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2014	95,081,750
GIÁ TRỊ HAO MÒN	
Vào ngày 01 tháng 01 năm 2014	95,081,750
Khấu hao trong kỳ	
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2014	95,081,750
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Giá trị còn lại 01.01.2014	-
Giá trị còn lại 31.03.2014	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Lũy kế đến hết quý 1 năm 2014	Năm 2013
Số dư đầu kỳ	31,409,056	96,151,807
Tăng trong kỳ	-	38,522,290
Phân bổ trong kỳ	(9,616,361)	(103,265,041)
Số dư cuối kỳ	21,792,695	31,409,056

9. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/3/2014	1/1/2014
Kinh phí công đoàn	1,811,723	1,811,723
Phải trả khác	78,119,440	78,119,440
Cộng	79,931,163	79,931,163

10. VỐN ĐIỀU LỆ

Tổng giá trị vốn điều lệ của Công ty đến ngày 31/12/2013 là 50 tỷ đồng và được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Tại ngày 31/03/2014 VND
Ông Đào Đức Mạnh	2,000,000	40.00%	20,000,000,000
Bà Ngô Thị Thu Hương	1,625,000	32.50%	16,250,000,000
Ông Nguyễn Hải Châu	250,000	5.00%	2,500,000,000
Ông Phạm Thanh Nam	250,000	5.00%	2,500,000,000
Bà Nguyễn Huyền Châu	20,000	0.40%	200,000,000
CTCP Đại lý liên hiệp vận chuyển - GEMADEPT	500,000	10.00%	5,000,000,000
Ông Đoàn Văn Tuyến	300,000	6.00%	3,000,000,000
Ông Trần Duy Hùng	5,000	0.10%	50,000,000
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	50,000	1.00%	500,000,000
	5,000,000	100.00%	50,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI TÁC TOÀN CẦUTầng 15, Tòa nhà Harec số 4A Láng Hạ,
Quận Ba Đình, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/03/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTQ**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. DOANH THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Lũy kế đến	
	31.03.2014	31.03.2013
Doanh thu hoạt động tư vấn	2,501,027	210,000,000
Doanh thu khác	-	-
Cộng	2,501,027	210,000,000

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế đến	
	31.03.2014	31.03.2013
Lãi tiền gửi	61,854,326	17,691,183
Lãi đầu tư tài chính	30,290,500	20,500,000
Cộng	92,144,826	38,191,183

13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Lũy kế đến	
	31.03.2014	31.03.2013
Lỗ thanh lý đầu tư chứng khoán	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	-
Chi phí tài chính khác	5,810,250	32,204,894
Cộng	5,810,250	32,204,894

14. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý I năm 2014	Quý I năm 2013
Lợi nhuận (Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(182,975,306)	(83,775,868)
Lợi nhuận (Lỗ) trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(182,975,306)	(83,775,868)
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	5,000,000	5,000,000
Lãi (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phổ thông	(37)	(17)

15. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO

Ban Giám đốc Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và ngày 31/03/2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31/03/2014 và 31/12/2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Trong kỳ kế toán này Công ty không phát sinh các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Rủi ro tỷ giá

Trong kỳ kế toán này Công ty không phát sinh các nghiệp vụ kinh doanh liên quan đến ngoại tệ

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 630.770 đồng Việt Nam.

Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lỗ sau thuế của Công ty sẽ tăng khoảng 6.377 đồng phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không.

Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lỗ sau thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 6.377 đồng.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI TÁC TOÀN CẦU

Tầng 15, Tòa nhà Harec số 4A Láng Hạ,

Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/03/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<u>Bất kỳ thời điểm nào</u>	<u>Dưới 3 tháng</u>	<u>Từ 3 tháng đến 12 tháng</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6,895,792,274			6,895,792,274
Chứng khoán kinh doanh (*)	1,058,525,235			1,058,525,235
Các khoản phải thu ngắn hạn (*)				-
Trả trước cho người bán			-	-
Tài sản ngắn hạn khác	60,000,000		250,000	60,250,000
Tổng tài sản	8,014,317,509	-	250,000	8,014,567,509
Nợ phải trả				
Chi phí phải trả	33,000,000			33,000,000
Thuế và các khoản phải nộp cho NN	-			-
Phải trả, phải nộp khác	1,811,723		78,119,440	79,931,163
Tổng nợ phải trả	34,811,723	-	78,119,440	112,931,163

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính bao gồm tiền và các khoản tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và chưa được niêm yết.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành một trong các loại sau:

- **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

16. Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

▪ Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;

Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các Tài sản tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	<u>31.03.2014</u>		<u>01.01.2014</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dư phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dư phòng</u>	<u>31.03.2014</u>	<u>01.01.2014</u>
Tài sản tài chính						
Tài sản tài chính nắm giữ để kinh doanh	1,058,525,235	(496,770)	630,770	(496,770)	1,058,028,465	134,000
- Cổ phiếu niêm yết	1,058,525,235	(496,770)	630,770	(496,770)	1,058,028,465	134,000
Các khoản phải thu khác (*)	8,494,250		5,965,750		8,494,250	5,965,750
Trả trước cho người bán (*)					-	-
Tài sản tài chính ngắn hạn khác (*)	33,149,100		51,824,281		33,149,100	51,824,281
Tài sản dài hạn khác (*)	21,792,695		31,409,056		21,792,695	31,409,056
Tiền và các khoản tương đương tiền	6,895,792,274		6,895,792,274		6,895,792,274	6,895,792,274
Cộng	8,017,753,554	(496,770)	6,985,622,131	(496,770)	8,017,256,784	6,985,125,361

Ghi chú: (*) Không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này, vì vậy các tài sản tài chính này đang được phản ánh theo giá trị ghi sổ - giá gốc.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI TÁC TOÀN CẦUTầng 15, Tòa nhà Harec số 4A Láng Hạ,
Quận Ba Đình, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/03/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTQ**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác, trong trường hợp Công ty không xác định giá trị hợp lý dựa trên các nguồn thông tin tin cậy (qua báo giá, báo chí và thông tin trên thị trường), giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này được phản ánh theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các Nợ phải trả tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31.03.2014	01.01.2014	31.03.2013	01.01.2013
Nợ phải trả tài chính				
Người mua trả tiền trước	-	-	-	-
Chi phí phải trả (*)	33,000,000	33,000,000	33,000,000	33,000,000
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	-	-	-	-
Phải trả, phải nộp khác (*)	79,931,163	79,931,163	79,931,163	79,931,163
Cộng	112,931,163	112,931,163	112,931,163	112,931,163

Ghi chú: (*) Không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này, vì vậy các khoản nợ phải trả tài chính này đang được phản ánh theo giá trị ghi sổ - giá gốc.



Nguyễn Hải Châu
Quyền Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2014

Phạm Văn Khánh
Kế toán trưởng